

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 420/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23- 5 -2024
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Hữu Tâm
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 808/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 161/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm: 1998

Địa chỉ: xã TQT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh H1**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: xã TQT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin vắng mặt; ông Nguyễn Minh H1 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Minh H1 chung sống với nhau từ năm 2016, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã TQT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc bình thường đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Bà H và ông H1 có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày: 18/10/2016 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày: 01/01/2020. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ B và trẻ Y và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông H1 về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung của ông Nguyễn Minh H1 và bà Nguyễn Thị Thanh H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Minh H1. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày: 18/10/2016 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày: 01/01/2020. Giao trẻ Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày: 18/10/2016 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày: 01/01/2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Minh H1. Tài sản chung và nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Thanh H nộp đơn xin ly hôn đối với ông Nguyễn Minh H1. Ông Nguyễn Minh H1 cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Ông Nguyễn Minh H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 và bà H theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Nguyễn Minh H1 đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Minh H1, nhưng ông H1 không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông H1 tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông H1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Theo giấy chứng nhận kết hôn số 112/2016 do Ủy ban nhân dân xã TQT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/12/2016, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Minh H1 là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh H xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“Tình nghĩa vợ chồng:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trù trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng”.

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Bà H trình bày thì trong quá trình chung sống giữa bà H và ông H1 thường bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng đã không còn

thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông H1 cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà H về việc xin được ly hôn với ông Nguyễn Minh H1.

[4] Về con chung:

Ông H1 và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày: 18/10/2016 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày: 01/01/2020. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ B và trẻ Y và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ thì trẻ B muốn sống chung với mẹ. Ông H1 vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông H1 về con chung giữa bà H và ông H1 nên Hội đồng xét xử nghĩ nên xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của bà H và theo nguyện vọng của trẻ B. Nếu sau này, có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao trẻ Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày: 18/10/2016 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày: 01/01/2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến, yêu cầu về vấn đề tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này, có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 217 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh H đối với ông Nguyễn Minh H1.

Bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Minh H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 112/2016 do Ủy ban nhân dân xã TQT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/12/2016 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Minh H1 có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày: 18/10/2016 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày: 01/01/2020.

Giao trẻ Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày: 18/10/2016 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày: 01/01/2020, cho bà Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Minh H1 có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Minh H1 đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Minh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này, có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh H chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0020409 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Loan